

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 583/TT-SGTVT ngày 29/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 1776/2010/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 về Quy định trình tự, thủ tục cho phép xây dựng công trình thiết yếu, công trình tạm, đầu nối đường bộ trên phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường tỉnh đang khai thác thuộc địa bàn tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban An toàn giao thông tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, GTT.

QĐ20-50b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 06/3/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường địa phương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ* gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

2. *Đất của đường bộ* là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

3. *Hành lang an toàn đường bộ* là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ (kể cả phần mặt nước dọc hai bên cầu, hầm, bến phà, cầu phao) nhằm đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

4. *Đường chính* là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

5. *Đường nhánh* là đường nối vào đường chính.

6. *Đường gom* là đường để gom hệ thống đường giao thông nội bộ của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính.

7. *Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện* là: UBND huyện, thị xã, thành phố; *UBND cấp xã* là: UBND xã, phường, thị trấn.

8. *Cơ quan chuyên ngành quản lý đường bộ của tỉnh* là: Sở Giao thông vận tải.

9. *Thanh tra giao thông* là lực lượng thuộc cơ quan Thanh tra Sở Giao thông vận tải Quảng Ninh hoặc lực lượng thanh tra xây dựng địa phương được phân cấp theo thẩm quyền.

10. Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ, quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là *Nghị định số 11/2010/NĐ-CP*).

12. Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/05/2011 của Bộ GTVT, hướng dẫn một số điều Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là *Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT*).

13. Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/4/2010 và Nghị định số 71/2012/NĐ-CP ngày 19/9/2012 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, sử dụng để áp dụng cho các hình thức xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



Chương II

PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ

Điều 4. Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Phạm vi quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

a) Đất của đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

- 03 (ba) mét đối với đường cấp I, đường cấp II;
- 02 (hai) mét đối với đường cấp III;
- 01 (một) mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

b) Hành lang an toàn đường bộ có bề rộng quy định như sau:

- Đối với đường ngoài đô thị: Căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn của đường có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra hai bên là:

- 17 (mười bảy) mét đối với đường cấp I, cấp II;
- 13 (mười ba) mét đối với đường cấp III;
- 09 (chín) mét đối với đường cấp IV, cấp V;
- 04 (bốn) mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

- Đối với đường đô thị, bề rộng hành lang an toàn được tính từ mép đường đến chỉ giới xây dựng của đường theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quản lý theo quy định khác quy định này.

- Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt thì phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt, nhưng ranh giới hành lang an toàn dành cho đường sắt không được chồng lên công trình đường bộ. Trường hợp đường bộ, đường sắt liền kề và chung nhau rãnh dọc thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía nền đường cao hơn, nếu cao độ bằng nhau thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía đường sắt.

- Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa thì ranh giới hành lang an toàn là mép bờ tự nhiên.

- Đối với đường bộ đi chung với công trình công trình thủy lợi, hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật về đê điều.

- Đối với các công trình cầu, cống, kè bảo vệ đường bộ phạm vi giới hạn hành lang đường bộ được xác định theo qui định trong Nghị định số 11/NĐ-CP.

- Đối với các công trình ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện và các công trình khác được qui định theo các điều 18, 19, 22, 23, 24 Nghị định số 11/NĐ-CP và các qui định tương đương khác do cấp có thẩm quyền qui định nhưng đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

2. Xác định phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

a) Phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ được quy định cụ thể:

- Đối với trường hợp chưa xác định phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, đường định mốc lộ giới, phạm vi đất của đường bộ và phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ được xác định tại Khoản 1 Điều này.

- Đối với đường bộ đang khai thác, phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 11/2010/NĐ-CP có hiệu lực, phạm vi đất của hành lang an toàn đường bộ được xác định như sau:

Phạm vi hành lang an toàn đường bộ được xác định sau khi đã xác định phạm vi đất của đường bộ theo Điểm a Khoản 1 Điều này, cụ thể:

Trường hợp phần hành lang an toàn đường bộ còn lại lớn hơn hoặc bằng bề rộng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này thì giữ nguyên;

Trường hợp phần hành lang an toàn đường bộ còn lại nhỏ hơn bề rộng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, tiến hành xác định lại phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

b) Các cơ quan quản lý đường bộ, chủ đầu tư, chủ sở hữu được nêu tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện việc xác định phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ để cắm mốc lộ giới.

3. Bề rộng hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường địa phương xác định theo cấp đường quy hoạch quy định tại Phụ lục 1 Quy định này đối với đường tỉnh; còn lại đường huyện, đường xã do UBND cấp huyện căn cứ cấp kỹ thuật của tuyến đường, công bố để áp dụng.

Điều 5. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh.

2. UBND cấp huyện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường xã; Phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh trên địa bàn.

3. UBND cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn.

4. Chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu xây dựng công trình chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường chuyên dùng.

5. Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện: Được gọi là Cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền.

6. Đơn vị quản lý đường bộ: Là các đơn vị thực hiện công tác quản lý bảo trì đường tỉnh, đường huyện, đường xã.

Chương III

SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN VÀ ĐƯỜNG XÃ

Điều 6. Sử dụng, khai thác trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ

1. Đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ chỉ dành cho xây dựng công trình đường bộ. Các công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông và các công trình thiết yếu quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT không thể bố trí ngoài phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang

an toàn đường bộ khi xây dựng phải được Cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền cấp phép. Nghiêm cấm xây dựng trái phép các loại công trình khác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Việc sử dụng, khai thác trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ tuân theo Điều 26, 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT. Việc xây dựng một số công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm khai thác an toàn công trình đường bộ.

3. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào đường bộ thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối trong quy hoạch.

4. Không được sử dụng đất dành cho đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ; neo đậu tàu, thuyền và xây dựng các công trình làm thay đổi dòng chảy gây xói lở mất an toàn công trình cầu, cầu phao, bến phà, kè chỉnh trị dòng nước và kè chống xói nền đường.

5. Đất hành lang an toàn đường bộ được tạm thời sử dụng vào mục đích nông nghiệp, quảng cáo nhưng phải theo đúng các quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP. Nghiêm cấm trồng các loại cây lâu năm, cây có bộ rễ gây ảnh hưởng tới độ ổn định và bền vững của nền đường.

6. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sửa chữa, cơi nới, phát triển thêm hoặc xây dựng mới các công trình nhà cửa, kho bãi, nhà máy, xí nghiệp... trong phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Khoảng cách công trình xây dựng đến công trình đường bộ và công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ

1. Khoảng cách các công trình (như nhà máy, xí nghiệp, lò gạch, lò vôi, chợ, cơ sở sản xuất có vùng ảnh hưởng khói bụi, ô nhiễm không khí, điểm kinh doanh dịch vụ bố trí bãi dừng đỗ xe, nơi tập kết hàng hóa ...) đến công trình đường bộ phải theo đúng quy định tại Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP. Ngoài ra phải đảm bảo các yêu cầu về môi trường, vệ sinh mặt đường và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường.

2. Các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn đường bộ, khi Cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền yêu cầu thì chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải khắc phục, sửa chữa kịp thời. Trường hợp chủ công trình hoặc chủ sử dụng không thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU HOẶC BIỂN QUẢNG CÁO TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN VÀ ĐƯỜNG XÃ

Điều 8: Danh mục công trình thiết yếu và các quy định chung về xây dựng biển quảng cáo.

1. Danh mục các công trình thiết yếu và các quy định về công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Điều 12 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

2. Quy định chung về xây dựng biển quảng cáo

- Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật của Nhà nước và địa phương về quảng cáo và các điều khoản tại quy định này. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

- Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1, 3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.

- Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ chuyên ngành có quyền đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

- Cá nhân, tổ chức lắp đặt biển quảng cáo phải làm hồ sơ đề nghị chấp thuận và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công gửi cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 và Điều 10 Quy định này đối với công trình thiết yếu.

Điều 9. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã đang khai thác.

1. Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu phải làm hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình gửi đến cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền để được thỏa thuận các vấn đề có liên quan. Sau khi thực hiện các điều thỏa thuận, tiến hành làm hồ xin cấp phép thi công.

2. Quy định thẩm quyền chấp thuận.

UBND tỉnh chấp thuận trên cơ sở có ý kiến thẩm định của Sở Giao thông vận tải đối với các dự án công trình thiết yếu xây dựng mới nhóm A nhóm B, có liên quan đường tỉnh cấp 1, cấp 2 hoặc các dự án công trình thiết yếu sửa chữa cải tạo, nâng cấp liên quan đến đường tỉnh cấp 1, cấp 2.

Sở GTVT Quảng Ninh chấp thuận đối với: Dự án công trình thiết yếu xây dựng mới nhóm C và chưa đến mức lập dự án có liên quan đến đường tỉnh được giao quản lý từ cấp IV trở xuống và trường hợp không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

UBND cấp huyện chấp thuận đối với các dự án công trình thiết yếu trên tuyến liên quan đến đường huyện, đường xã trên địa bàn quản lý.

Chủ đầu tư, chủ sở hữu chấp thuận đối với đường chuyên dùng.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ.

4. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

5. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

6. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 18 Quy định này.

7. Trình tự, cách thức và thành phần hồ sơ xin chấp thuận thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 13 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

8. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 10: Cấp phép thi công công trình thiết yếu được xây dựng trong phạm vi kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh, đường huyện, đường xã.

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan phân cấp theo quy định tại Điều 9 Quy định này, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

- a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận.
- b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.
- c) Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành.
- d) Gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là: Sở Giao thông vận tải đối với các tuyến đường tỉnh và UBND cấp huyện đối với đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Các nội khác không được quy định tại văn bản này, được quy định cụ thể tại Điều 14 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

Điều 11: Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

1. Cách thức thực hiện: tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

2. Trình tự thực hiện như sau:

- a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền;
- b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.
- c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp

giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 12. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

Trình tự thực hiện từ bước lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, chủ đầu tư dự án nghiên cứu tuân thủ các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16 Thông tư 39/2011/TT-BGTVT.

Các cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền được quy định tại Điều 5 của Quy định này

Chương V

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ, ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG TỈNH

Điều 13. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường tỉnh, đường huyện, đường xã đối với đường đang khai thác.

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường hoặc cầu trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tại Điều 5 Quy định này là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình trên đường bộ đang khai thác phải lập hồ sơ đề nghị cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông.

3. Tổ chức, cá nhân trực tiếp làm nhiệm vụ trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ khi thực hiện thi công xây dựng trong phạm vi đường bộ đang khai thác không phải xin cấp phép nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ, theo qui định của ngành đường bộ. Các công trình đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, bảo trì; Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định để phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất đường bộ đang khai thác; trình tự thực hiện theo Điều 18 Thông tư 39/2011/TT-BGTVT.

Điều 14. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh.

1. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh.

a) Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm các loại:

- Đường huyện, đường xã, đường đô thị;
- Đường chuyên dùng, đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;
- Đường dẫn ra, vào trạm dừng nghỉ;
- Đường gom, đường nối từ đường gom.

b) Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối đã được UBND cấp huyện phê duyệt, sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê các đường đã đầu nối và lập kế hoạch xử lý phù hợp với quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh.

Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía của đường nhánh vào đường tỉnh (đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng, đường dẫn ra, vào trạm dừng nghỉ, đường gom) được thực hiện như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng không nhỏ hơn 500m (năm trăm mét);

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Đường cấp I, cấp II, cấp III không nhỏ hơn 2.500m/điểm (hai nghìn năm trăm mét/điểm); đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000m/điểm (một nghìn mét/điểm);

- Đối với các đoạn tuyến đường tỉnh đi qua khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt (như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được) không nhỏ hơn 500m/điểm (năm trăm mét/điểm).

d) Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

đ) Đầu nối đường nhánh vào dự án đường tỉnh được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nắn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh.

- Ngay từ bước lập dự án, chủ đầu tư công trình phải căn cứ Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố có dự án đi qua để xác định các nút giao (nút giao khác mức liên thông hoặc trực thông, nút giao đồng mức) giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án đường tỉnh được xây dựng, xác định vị trí vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô; đồng thời gửi phương án thiết kế tuyến đến Sở GTVT đối với đường tỉnh để xin ý kiến để điều chỉnh cho phù hợp.

- Căn cứ phương án thiết kế tuyến của dự án Chủ đầu tư phải lập hồ sơ danh mục các điểm đầu nối (kể cả cửa hàng xăng dầu) theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường và gửi đến Cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền để được thỏa thuận các vấn đề có liên quan; căn cứ ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nói trên để có cơ sở trình cấp đầu tư phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật tuyến đường.

e) Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: Chủ đầu tư công trình căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh và của địa phương để lập quy hoạch các điểm đầu nối, thỏa thuận với Cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền và phê duyệt quy hoạch để triển khai thực hiện. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp phép đầu nối các vị trí nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt.

f) Sau khi có quy hoạch đầu nối, trước khi thi công đầu nối Chủ đầu tư công trình phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh để cấp phép thi công.

g) Đầu nối đường gom vào đường tỉnh.

Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án khác xây dựng dọc đường bộ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải

có đường gom nối từ dự án vào các đường nhánh; Trường hợp không có đường nhánh, được đầu nối trực tiếp đường gom vào đường tỉnh, nhưng phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường tỉnh. UBND tỉnh quyết định đối với hệ thống đường gom đường tỉnh, trên cơ sở đề xuất của UBND cấp huyện và ý kiến thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

h) Trong trường hợp đặc biệt tại những vị trí đầu nối thuộc đoạn tuyến không đủ điều kiện làm đường gom, chủ đầu tư dự án báo cáo Sở giao thông vận tải chấp thuận cho phép đầu nối trực tiếp với đường tỉnh. Thiết kế nút giao đầu nối phải có giải pháp mở rộng mặt đường bắt buộc phải thiết kế làn chuyển tốc tại khu vực đầu nối và bố trí đầy đủ hệ thống báo hiệu.

2. Vị trí các cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa của cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra vào đường tỉnh vừa phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại Khoản 1 Điều này, đồng thời phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét);

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ 8000m (tám nghìn mét) đối với đường cấp I, cấp II, cấp III; không nhỏ hơn 5000m (năm nghìn mét) đối với đường cấp IV trở xuống.

3. Đối với công trình nhà ở được xây dựng mới không được phép đầu nối trực tiếp vào đường tỉnh mà phải thông qua đường nhánh; các đường đầu nối từ nhà ở vào đường tỉnh, đã có từ trước phải xoá bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

Điều 15. Đầu nối vào đường huyện, đường đô thị, đường chuyên dùng.

1. Đối với các điểm đầu nối vào đường huyện đường đô thị: Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối; Trước khi trình UBND cấp huyện phê duyệt phải có văn bản thẩm định của Sở Giao thông vận tải về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và tính phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Đầu nối vào đường chuyên dùng.

Chủ đầu tư, chủ sở hữu cấp phép đầu nối vào đường chuyên dùng.

Điều 16. Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh.

Quy hoạch các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí và hình thức giao cắt giữa đường tỉnh với đường nhánh để xây dựng các nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. UBND cấp huyện có trách nhiệm giao cho đơn vị tư vấn có đủ năng lực xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối trước khi thoả thuận với Sở Giao thông vận tải. Nội dung của công tác quy hoạch các điểm đầu nối như sau:

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của đường tỉnh cần đầu nối.

2. Khảo sát, thống kê.

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 14 Quy định này. Xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; Các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của Tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

b) Thống kê các đoạn tuyến đường tỉnh trong đô thị, ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài đường tỉnh.

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m (hai mét năm mươi) đã đầu nối tự phát vào đường tỉnh trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 có hiệu lực, chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, chưa có nhu cầu cải tạo, mở rộng điểm đầu nối vào đường tỉnh để có lộ trình xóa bỏ phù hợp quy định.

d) Cửa hàng xăng dầu đã xây dựng theo quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu do cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trong đó, phân loại cửa hàng xăng dầu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và không cho phép sử dụng tạm thời hành lang an toàn đường bộ để làm đường dẫn ra, vào.

Trường hợp địa phương chưa có quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu, cơ quan được giao nhiệm vụ quy hoạch các điểm đầu nối phối hợp với Sở Công thương lập quy hoạch các điểm đầu nối trong đó có điểm đầu nối là đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu.

3. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan chức năng địa phương về một số nội dung như: Sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch đất xây dựng đường gom; quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu có liên quan đến việc khai thác sử dụng các điểm đầu nối.

4. Quy hoạch các điểm đầu nối của mỗi tuyến đường tỉnh được lập thành bộ hồ sơ riêng để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối gồm:

a) Thuyết minh quy hoạch các điểm đầu nối:

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên đường tỉnh được quy hoạch các điểm đầu nối;

- Hiện trạng của tuyến đường tỉnh: Cấp đường, điểm đầu, điểm cuối; các vị trí đặc biệt (như khu vực nội thành, nội thị, cầu lớn, điểm giao cắt với đường sắt....); tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; các thông tin về quy hoạch của tuyến đường;

- Bản giải trình lý do các đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; lý do các điểm đầu nối trong quy hoạch nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định;

- Quy hoạch hệ thống các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

- Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các đô thị có đường tỉnh đi qua (nếu có);

- Ý kiến của Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý đường tỉnh đối với nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối.

b) Bảng quy hoạch các điểm đầu nối:

- Bảng tổng hợp một số nội dung cơ bản về hiện trạng và quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh;

- Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp quy hoạch các điểm đầu nối.

5. Thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối.

Sở Giao thông vận tải nghiên cứu hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối; gửi văn bản đề nghị thỏa thuận kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối (cả File điện tử của hồ sơ quy hoạch) về Sở Giao thông vận tải.

Sở GTVT chỉ cấp phép thi công đối với các trường hợp nằm trong quy hoạch đầu nối đã được UBND cấp huyện phê duyệt.

Điều 17. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh

1. Căn cứ văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; Gửi hồ sơ quy hoạch đầu nối đã được phê duyệt về Sở Giao thông vận tải để phối hợp thực hiện.

2. Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong quy hoạch, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Quy định này để được giải quyết.

3. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối theo quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện đã có thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối với Sở Giao thông vận tải hoặc đã gửi hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối về Sở Giao thông vận tải (theo dấu bưu điện) trước ngày Quy định này có hiệu lực, nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Thông tư 39/2011/TT-BGTVT và Quy định này, gửi hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối điều chỉnh về Sở Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết.

5. Nút giao đầu nối vào đường tỉnh đang khai thác chỉ được thi công sau khi đã được Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông theo quy định, có giấy phép thi công do Sở Giao thông vận tải cấp.

Điều 18. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh.

1. Chủ công trình, dự án được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ 01(một) bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường tỉnh. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó, cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo (bản chính), theo mẫu tại thông tư số 39/2011/TT-BGTVT;

- Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh đã được UBND cấp huyện phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc văn bản chấp thuận của Sở Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đối với các trường hợp đường tỉnh chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh được phê duyệt (bản sao chụp);

- Văn bản của UBND cấp huyện (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Sở Giao thông vận tải chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

Thời hạn giải quyết trong 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào vào đường tỉnh đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

3. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành, nếu quá 12 tháng, làm đơn đề nghị gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (bản chính) theo mẫu tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT;

- Thời gian giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời gian gia hạn: chỉ gia hạn một (01) lần với thời gian không quá 12 tháng;

4. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công theo trình tự quy định tại Điều 13 của Quy định này sau đó thi công, nghiệm thu và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; Nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để Sở Giao thông vận tải lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

6. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải thực hiện đề nghị cấp phép thi công theo trình tự quy định tại điều này.

Điều 19. Đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc. Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi 01(một) bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh và thi công xong phải có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng hành lang ban đầu. Thành phần hồ sơ chấp thuận gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đầu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nối, thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đầu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không chấp thuận đầu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm quy định tại Khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 (mười hai) tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 (hai mươi bốn) tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm

và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu và thực hiện đầu nối theo đúng quy hoạch được duyệt.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 (hai mươi bốn) tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

Điều 20. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với đường dân sinh đầu nối tự phát vào đường bộ.

Đối với đường dân sinh đầu nối tự phát vào đường đường tỉnh trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP hết hiệu lực và chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 m (hai mét năm mươi), trong khi chưa xây dựng được đường gom cho phép tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng cho đến khi có đường gom.

2. Đối với cửa hàng xăng dầu.

a) Các cửa hàng xăng dầu đã đầu nối vào đường địa phương theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, nếu không đủ khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định này, được tiếp tục tồn tại nhưng Cơ quan đã chấp thuận cho phép đầu nối phải hoàn thành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh theo quy hoạch mới về các điểm đầu nối.

b) Các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đầu nối trái phép hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ địa phương, quy mô không đảm bảo, hiện đang tồn tại dọc hai bên đường bộ, UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xem xét, kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nới, mở rộng; người sử dụng đất phải cam kết với UBND cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nới, mở rộng.

Đối với trường hợp đất đã được cấp nằm trong hành lang an toàn đường bộ, nếu có nhu cầu xây dựng thì xem xét phần còn lại ở ngoài hành lang an toàn đường bộ để xây dựng. Trường hợp đất ngoài hành lang an toàn đường bộ không đủ để xây dựng hoặc đất nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn đường bộ, Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức xem xét kiểm kê đất và tài sản trên đó để có cơ sở đền bù, bố trí đất hoặc cấp đất ở nơi khác.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành thống kê, xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị UBND cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

5. Đối với trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. UBND cấp huyện thực hiện giải toả, không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 21. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải toả khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn đường bộ

Thực hiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, mốc thời gian xây dựng công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ và các văn bản pháp qui khác về việc thi hành Luật Đất đai. Sở

Giao thông vận tải, UBND cấp huyện chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc phối hợp với UBND cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

1. Công trình xây dựng trước ngày 21 tháng 12 năm 1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ.

2. Công trình xây dựng từ ngày 21 tháng 12 năm 1982 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2000 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

3. Công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 đến trước ngày 30 tháng 11 năm 2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

4. Công trình xây dựng từ ngày 30 tháng 11 năm 2004 đến trước ngày 15 tháng 4 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 04 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ - CP của Chính phủ.

Chương IV

BẢO ĐẢM GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG KHI THI CÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỦA ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ ĐANG KHAI THÁC

***Trước khi thi công:**

Chủ đầu tư công trình, dự án phải xin cấp giấy phép thi công theo các trường hợp qui định tại Chương IV của Quy định này đối với các cơ quan quản lý được phân cấp theo thẩm quyền.

Điều 22. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường và biện pháp, thời gian thi công

1. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường để thi công.

Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thi công hoặc có văn bản thỏa thuận thi công phải làm thủ tục nhận bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công với đơn vị quản lý đường bộ. Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường, tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; đồng thời, chịu mọi trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để xảy ra tai nạn giao thông.

2. Biện pháp và thời gian thi công.

a) Trong suốt quá trình thi công, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất, phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện có. Trong trường hợp không thể tránh được, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

b) Bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công công trình đường bộ trên đường bộ đang khai thác là hạng mục công việc trong thiết kế tổ chức thi công và là một phần kinh phí của gói thầu.

c) Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu sự kiểm tra của đơn vị quản lý đường bộ và Thanh tra giao thông trong việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn giao thông khi thi công tại Quy định này và trong giấy phép thi công đồng thời chịu mọi trách nhiệm về sự mất an toàn giao thông do thi công gây ra.

*** Trong khi thi công:** Chủ đầu tư công trình, dự án phải thực hiện các nguyên tắc về đảm bảo giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác được quy định từ Điều 33 đến Điều 47 Thông tư 39/2011/TT-BGTVT.

Điều 23. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu trong suốt quá trình thi công, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp nhà thầu vi phạm và đã nhận được kiến nghị của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền nhưng không chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, tiếp tục để xảy ra tình trạng mất an toàn giao thông khi thi công, chủ đầu tư xem xét xử phạt theo hợp đồng kinh tế hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp xử lý thích hợp.

2. Khi ký kết hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư phải thỏa thuận với nhà thầu thi công điều, khoản xử phạt vi phạm hợp đồng nếu không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây mất an toàn và ùn tắc giao thông.

3. Các tổ chức, đơn vị thi công công trình vi phạm bị lập biên bản lần thứ 03 (ba) trở lên trong quá trình thi công 1 (một) công trình hoặc không chấp hành quyết định xử phạt của Thanh tra giao thông sẽ không được tham gia đấu thầu xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 24. Xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã

* Quy định về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực GTĐB đang được áp dụng theo các điều khoản

1. Trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ do công nhân tuân đường các đơn vị quản lý đường bộ của địa phương hoặc chuyên ngành phát hiện có quyền yêu cầu đình chỉ ngay hành vi vi phạm, thông báo bằng văn bản, điện thoại và phối hợp với cơ quan phân cấp quản lý tuyến đường theo thẩm quyền để lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra và xử lý theo thẩm quyền; Đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ.

Trong thời gian 24 (hai mươi bốn) giờ sau khi lập biên bản vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ vi phạm gửi UBND cấp huyện và Thanh tra giao thông đồng thời thông báo bằng điện thoại đề nghị phối hợp theo dõi, xử lý vi phạm kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền của UBND cấp xã hoặc UBND cấp xã chưa xử lý xong vi phạm, Đơn vị quản lý đường bộ thông báo và phối hợp cùng Thanh tra giao thông, Thanh tra xây dựng của UBND cấp huyện kiểm tra vi phạm để lập biên bản vi phạm hành chính, quy định ngày đến nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời yêu cầu phải tự giác tháo dỡ vi phạm. Thời gian thực hiện công tác này là 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của đơn vị quản lý đường bộ.

Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc chấp hành biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu tổ chức, cá nhân vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tự giác khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt hành chính và không tự giác tháo dỡ vi phạm, hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không tự giác tháo dỡ. Đơn vị quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp với Thanh tra giao thông hoặc thanh tra xây dựng và UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ kiến nghị UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế và tổ chức lực lượng cưỡng chế, giải toả. Trong thời hạn 15 ngày, UBND cấp huyện phải tổ chức cưỡng chế, giải toả. Sau khi cưỡng chế giải toả lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý. Đơn vị quản lý đường bộ phải tổ chức thường xuyên kiểm tra, phối hợp với UBND cấp xã ngăn chặn việc tái lấn chiếm sau khi giải toả.

4. Trường hợp UBND cấp huyện không ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ thì đơn vị quản lý đường bộ có văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo UBND tỉnh. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc không phối hợp xử lý, giải toả vi phạm.

Điều 25. Xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường chuyên dùng và đường được xây dựng theo các hình thức khác

1. UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Cơ quan quản lý đường chuyên dùng và đường được xây dựng theo các hình thức khác tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý tại Quy định này.

2. Khi nhận được thông tin về vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên tuyến đường được phân cấp quản lý, UBND cấp huyện, cấp xã phải cử lực lượng kiểm tra kịp thời để có biện pháp phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Quy trình xử lý vi phạm như quy trình xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đường tỉnh, quốc lộ.

Điều 26. Phối hợp trong xử lý vi phạm xây dựng nhà ở, lều quán và công trình kiên cố khác trong hành lang an toàn bảo vệ đường bộ

Khi phát hiện hành vi vi phạm xây dựng nhà ở, lều quán và công trình kiên cố khác trong hành lang an toàn đường bộ thì trách nhiệm trong công tác phối hợp của các đơn vị như sau:

1. Đơn vị quản lý đường bộ.

Khi phát hiện vi phạm thì công nhân tuần đường phải tiến hành lập biên bản hiện trạng vi phạm đồng thời thông báo ngay bằng điện thoại cho Hạt đường, đơn vị quản lý đường bộ; Thanh tra giao thông; Công an và chính quyền địa phương sở tại biết để kịp thời có biện pháp ngăn chặn xử lý (thực hiện theo Khoản 1, 2, 3 Điều 24 Quy định này).

a) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Khi tổ chức, cá nhân (đối tượng) vi phạm không chấp hành các nội dung yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm thì áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Đơn vị quản lý đường bộ trực tiếp có trách nhiệm thông báo cho chính quyền địa phương để áp dụng các biện pháp ngăn chặn như: tạm giữ dụng cụ, phương tiện để thi công; trục xuất đối tượng vi phạm ra khỏi phạm vi thi công; cắt điện, cắt nước.

b) Cường chế vi phạm.

Đối với các công trình tạm như lều, quán, hàng rào... (các công trình xây dựng tạm) thì đơn vị quản lý đường bộ xây dựng kế hoạch hàng tháng phối hợp các lực lượng: Thanh tra giao thông, Công an, chính quyền địa phương để cường chế, giải tỏa vi phạm. Đơn vị quản lý đường bộ chủ trì trong việc phối hợp với Thanh tra giao thông hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm kiến nghị UBND cấp huyện để cường chế giải tỏa.

c) Hoàn thiện thủ tục sau cường chế.

Đối với việc cường chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ thì sau khi giải tỏa xong phải lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã để theo dõi, phối hợp quản lý.

2. Thanh tra giao thông – Thanh tra xây dựng địa phương.

Khi nhận được hồ sơ vi phạm của đơn vị quản lý đường bộ hoặc qua kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Lực lượng Thanh tra thực hiện:

a) Lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp xây dựng công trình trong đất dành cho đường bộ phải thể hiện sơ đồ vị trí, mức độ vi phạm. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký theo quy định. Trường hợp đối tượng vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương vào biên bản, hoặc của 02 (hai) người chứng kiến.

b) Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

c) Giao quyết định xử phạt. Quyết định xử phạt được giao cho đối tượng vi phạm. Việc giao quyết định phải ghi rõ số, ngày ban hành quyết định, ngày giao quyết định và đối tượng vi phạm ký nhận vào quyết định. Trường hợp đối tượng vi phạm không đến nhận quyết định thì thực hiện việc giao quyết định xử phạt cho đối tượng vi phạm. Nếu đối tượng vi phạm không nhận, tiến hành lập biên bản, ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc ít nhất có 02 (hai) người làm chứng.

d) Cường chế thi hành quyết định xử phạt. Đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày giao quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên mà đối tượng không chấp hành quyết định xử phạt thì thi hành cường chế. Việc cường chế bằng các biện pháp sau: Khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng của đối tượng vi phạm; kê khai biên bản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng vi phạm; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm gây ra; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

e) Tham gia cường chế giải tỏa vi phạm.

Điều 27. Phối hợp xử lý vi phạm san lấp mặt bằng trong hành lang bảo vệ đường bộ và mở đường đầu nối trái phép vào đường bộ

Khi phát hiện hành vi vi phạm san lấp mặt bằng trong hành lang bảo vệ công trình đường bộ và mở đường đầu nối trái phép vào đường bộ thì trách nhiệm trong công tác phối hợp của các đơn vị như sau:

1. Đơn vị quản lý đường bộ.

Thực hiện như trong xử lý vi phạm xây dựng nhà ở, lều quán và công trình kiên cố khác trong hành lang bảo vệ đường bộ.

a) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn: thực hiện như trong xử lý vi phạm xây dựng nhà ở, lều quán và công trình kiên cố khác trong hành lang an toàn bảo vệ đường bộ.

b) Cưỡng chế vi phạm: Đối với thi công san lấp mặt bằng, mở đường đầu nối vào đường chính thì đơn vị quản lý đường bộ phối hợp với Thanh tra giao thông, thanh tra xây dựng địa phương, chính quyền địa phương và Công an cấp huyện, Công an cấp xã tổ chức rào chắn hoặc đào xúc ngay phần mở đường nhánh, san lấp trong hành lang đường bộ.

Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm chính trong việc hoàn thiện hồ sơ vi phạm kiến nghị UBND cấp huyện ra quyết định và tổ chức cưỡng chế vi phạm.

2. Thanh tra giao thông – Thanh tra xây dựng địa phương

Thực hiện như trong xử lý vi phạm xây dựng nhà ở, lều quán và công trình kiên cố khác trong hành lang bảo vệ đường bộ.

Chương VI
THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 28. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Đối với các hệ thống đường địa phương, Cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông và tổ chức thực hiện.

b) Đối với đường chuyên dùng, đường xây dựng theo hình thức khác chủ đầu tư, chủ sở hữu quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông, quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

Cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án trước khi thực hiện các giai đoạn phê duyệt phải thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với các công trình nâng cấp, cải tạo trên hệ thống đường bộ địa phương đang khai thác.

3. Cơ quan thẩm định chuyên ngành về an toàn giao thông là Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường địa phương.

4. Cơ quan quản lý đường bộ: là đơn vị trực tiếp được giao thực hiện bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường.

Điều 29. Căn cứ làm cơ sở thực hiện thẩm định ATGT và các bước trình tự thực hiện công tác thẩm định an toàn giao thông qua các giai đoạn thực hiện dự án và báo cáo công tác thẩm tra ATGT.

- Thực hiện theo điều 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60 Chương V Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Các biểu mẫu và danh mục các bước thẩm tra, thẩm định ATGT đường bộ được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 6, Phụ lục 7 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 30. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ theo phân cấp

1. Phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm và sử dụng trái phép công trình giao thông và hành lang an toàn giao thông đường bộ. Đồng thời phải có trách nhiệm chính trong công tác quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án thực hiện việc cắm mốc lộ giới trên thực địa, lập hồ sơ và bàn giao cho UBND huyện và UBND cấp xã quản lý và bảo vệ theo cấp quản lý.

3. Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân được giao quản lý đường thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Khi phát hiện vi phạm phải thực hiện đúng quy trình xử lý vi phạm quy định tại Chương V Quy định này. Thường xuyên kiểm tra phát hiện các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình, chủ sử dụng phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình, chủ sử dụng không tự giác thực hiện, Đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị UBND cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của Pháp luật.

4. Hàng tháng xây dựng kế hoạch phối hợp với Thanh tra giao thông, Thanh tra xây dựng địa phương và chính quyền UBND cấp xã và đề nghị UBND các cấp giải toả vi phạm đối với các công trình tạm như lều, quán, hàng rào trong phạm vi tuyến đường phân cấp quản lý.

5. Chủ trì, phối hợp với Thanh tra giao thông và chính quyền địa phương cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm để kiến nghị UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ đối với hành vi xây dựng công trình. Hồ sơ vi phạm gồm:

- Biên bản của công nhân tuần đường;
- Biên bản vi phạm hành chính do Thanh tra giao thông phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, chính quyền địa phương lập;
- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- Biên bản phúc tra việc chấp hành Quyết định xử phạt do Thanh tra giao thông, đơn vị quản lý đường bộ, chính quyền địa phương lập;
- Văn bản đề nghị cưỡng chế giải toả vi phạm của đơn vị quản lý đường bộ.

6. Bàn giao mặt bằng thi công cho các tổ chức cá nhân được cấp phép thi công trên đường bộ đang khai thác. Trực tiếp giám sát việc thực hiện phạm vi thi công, các quy định đảm bảo an toàn giao thông tại Quy định này và trong Giấy phép thi công. Phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và báo cáo kịp thời với Cơ quan quản lý đường bộ việc các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định trong khi thi công hoặc quá trình thi công gây ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ.

7. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo Cơ quan quản lý đường bộ về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ trước ngày 5 của tháng tiếp theo.

8. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý:

- Hồ sơ quản lý hành lang an toàn bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm;

- Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ;

- Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

Việc lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ được thực hiện xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2013.

9. Thực hiện việc khoán công tác quản lý với người lao động trên từng km với các nội dung công việc cụ thể, trong đó có việc quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Lãnh đạo đơn vị quản lý đường bộ nếu thiếu trách nhiệm, không xử lý các vi phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường quản lý thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thẩm định hoặc thoả thuận quy hoạch việc xây dựng đối với các dự án liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông.

2. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Tham mưu cho UBND tỉnh các biện pháp, giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo công tác quản lý đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác; hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường xã.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác.

6. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường, giải tỏa các công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường tỉnh, quốc lộ.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, quốc lộ của đơn vị quản lý đường bộ theo đúng quy định, thời gian.

8. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị quản lý đường bộ theo các quy định.

9. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông, thanh tra xây dựng địa phương:

- Tiếp nhận hồ sơ vi phạm của đơn vị quản lý đường bộ và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, chính quyền địa phương lập biên bản vi phạm hành chính, hoàn thiện hồ sơ vi phạm đề nghị chính quyền địa phương cưỡng chế giải toả vi phạm;

- Trong thời gian không quá 7 (bảy) ngày đối với vụ việc đơn giản và không quá 15 (mười năm) ngày với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính phải ban hành quyết định xử phạt. Nếu đối tượng vi phạm không đến chấp hành việc xử phạt theo biên bản vi phạm hành chính đã lập, Thanh tra giao thông thực hiện việc giao quyết định xử phạt cho đối tượng vi phạm. Trường hợp đối tượng vi phạm không nhận quyết định xử phạt thì lập biên bản ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương. Đối tượng vi phạm bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày giao quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên mà đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành;

- Phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý đường bộ cưỡng chế giải toả vi phạm;

- Thực hiện gắn trách nhiệm của Thanh tra viên trong việc xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông cho từng tuyến đường.

10. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh.

11. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với hệ thống đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Giám đốc Sở Giao thông vận tải nếu không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các hình thức xử lý kỷ luật theo Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức.

Điều 32. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo UBND cấp xã và các cơ quan chuyên môn trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác.

2. Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác cưỡng chế, giải toả vi phạm căn cứ vào các hồ sơ vi phạm và văn bản đề nghị giải toả của đơn vị quản lý đường bộ để lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Thời gian tiến hành giải toả chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vi phạm theo Khoản 5 Điều 30 Quy định này.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp quản lý; quản lý, lập quy hoạch các điểm đầu nối trên địa bàn huyện vào đường tỉnh thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải và ra quyết định phê duyệt.

6. Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị; tổ chức cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường quản lý.

7. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

8. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường xã theo đúng quy định hiện hành.

Chủ tịch UBND cấp huyện nếu không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các hình thức xử lý kỷ luật theo Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức.

Điều 33. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Chỉ đạo các lực lượng tích cực, thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường thuộc địa bàn. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường.

2. Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch của UBND cấp huyện.

3. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ.

5. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

6. Hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã; cấm mốc lộ giới đối với đường xã.

7. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

8. Thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường xã theo đúng quy định hiện hành.

Chủ tịch UBND cấp xã nếu thiếu trách nhiệm, không xử lý các vi phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức xử lý trách nhiệm theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003.

Điều 34. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu

1. Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường quản lý. Phát hiện và phối hợp với Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các

hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường.

2. Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

3. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông; cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường quản lý.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

Điều 35. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

1. Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng Công an tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý đường bộ trong xử lý, cưỡng chế, giải toả các vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Đối với các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng bám ven các tuyến đường tỉnh trước khi phê duyệt phải có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở GTVT.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hàng năm bố trí nguồn ngân sách để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ, kinh phí tổ chức giải toả vi phạm về hành lang an toàn đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong đô thị.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch, xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tham mưu với cấp có thẩm quyền điều chỉnh hoặc xoá bỏ theo quy hoạch hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ thương mại khác theo thẩm quyền.

6. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng công trình viễn thông tuân thủ Quy định này.

7. Đài phát thanh và truyền hình Quảng Ninh, Báo Quảng Ninh; Đài phát thanh ở xã, phường thị trấn có trách nhiệm dành thời lượng đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền Quy định này.

8. Các sở, ban ngành khác căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện; Phối hợp Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các tổ chức cá nhân tuân thủ Quy định này.

Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc UBND nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các Hội, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh tuyên truyền và phối hợp các cơ quan hữu quan tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tới các hội viên, đoàn viên.

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

CẤP ĐƯỜNG TỈNH THEO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

*Ban hành kèm theo Quyết định số 643 /2013/QĐ-UBND ngày 06 / 3 /2013 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Tên đường	Cấp đường Quy hoạch đến năm 2030
1	ĐT 326	III (miền núi)
2	ĐT 328	III (đồng bằng)
3	ĐT 329	IV (miền núi)
4	ĐT 330	III (miền núi)
5	ĐT 331	III(đồng bằng)
6	ĐT 332	III (đồng bằng)
7	ĐT 333	III (đồng bằng)
8	ĐT 334	IV (đồng bằng)
9	ĐT 335	
	Km0-km7+200	II
	Km7+200-Km15	III (đồng bằng)
10	ĐT 336	Đường đô thị
11	ĐT 337	III
	Km0-Km7+500	Đường đô thị
	Km7+500 điểm giao cắt với ĐT326	II
12	ĐT 340	III (miền núi)
13	ĐT 341	V (miền núi)
14	ĐT 342 (Hoành Bồ - Ba Chẽ)	IV (miền núi)
15	ĐT 345 (Đông triều - Lục Nam)	III (miền núi)